

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Sáu và bà Phạm Thị Kim Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Trọng D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày: Chị T và anh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2003 tại UBND xã A (nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi nhau, chị T chỉ ở nhà trông con, không có việc làm, anh D thường xuyên ăn nhậu, gây sự kình cãi rồi đánh đập chị T. Không thể chịu đựng được nữa nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột ở Thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa sinh sống từ năm 2015 đến

nay. Mỗi lần chị T về thăm con và lấy giấy tờ cá nhân thì anh D lại rượt đuổi, đánh. Hiện chị T và anh D đã không còn tình cảm, sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ khi chị T và anh D sống ly thân đến nay, cả hai không liên lạc với nhau, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Cảm thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên chị T xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 23/01/2007; hiện cháu P và cháu V do anh D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T thống nhất giao cháu P và cháu V cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Trọng D nhận được thông báo thụ lý vụ án và có đơn xin gia hạn việc giải quyết vụ án trong đó có trình bày về mâu thuẫn của vợ chồng do quá trình chung sống thường xảy ra cãi vã nên chị T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2015, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 23/01/2007, các con đều ở với anh D. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh D chấp nhận. Nhưng vì các con đang độ tuổi ăn học nên xin gia hạn thời gian giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án anh D đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 10/02/2022: chị T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại các biên bản hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 23/01/2007 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Bích T khởi kiện anh Nguyễn Văn Trọng D trú tại: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Trọng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Trần Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Nguyễn Văn Trọng D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/3/2003 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị T và anh D đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, chị T xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh D, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị T kiên quyết ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án anh D được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh D là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị T và anh D thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 23/01/2007; chị T yêu cầu giao cháu P và cháu V cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, tại các biên bản lấy lời khai cháu P và cháu V có nguyện vọng xin được ở với cha (Nguyễn Văn Trọng D), mặt khác tại các biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, chị Trần Thị Bích T đều trình bày: Cháu Nguyễn Duy P và Nguyễn Anh V từ trước đến nay đều ở với cha và được anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho các cháu, cần tiếp tục giao cháu P và cháu V cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội. Anh D không có lời trình bày cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Trọng D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 17/3/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 23/01/2007 cho anh Nguyễn Văn Trọng D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004665 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Diễm Huyền**